

Bản án số: 05/2019/HNGĐ – ST

Ngày 23/8/2019

V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi
con chung và nợ chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ PHONG, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cù Đức Hùng.
2. Ông Lô Văn Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Lô Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị B, sinh năm 1987; có mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Bản H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An

Chỗ ở hiện nay: Bản D, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Văn D, sinh năm 1985; vắng mặt.

Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3. *Người có quyền lợi liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ: Khối 8, thị trấn K, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2019, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hà Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị B và anh Hà Văn D đăng ký kết hôn vào ngày 13/6/2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Hà Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được “Ly hôn” với anh Hà Văn D.

Về con chung: Chị Hà Thị B và anh Hà Văn D có 02 (hai) con chung, tên là Hà Thị Như H, sinh ngày 06/9/2005 và Hà Gia B, sinh ngày 17/7/2009. Ly hôn, nguyện vọng của chị Hà Thị B là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Gia B. Anh Hà Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Thị Như H và không yêu cầu anh Hà Văn D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Hà Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Hà Thị B và anh Hà Văn D còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, tại phòng giao dịch huyện Q số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Chị Hà Thị B yêu cầu chia đôi số nợ trên cho hai vợ chồng.

Bản tự khai đề ngày 18/3/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Hà Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn D công nhận hai vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng cũng có những mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nhưng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân. Anh Hà Văn D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh Hà Văn D mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con chung.

Về con chung: Chị Hà Thị B và anh Hà Văn D có 02 (hai) con chung là Hà Thị Như Huệ, sinh ngày 06/9/2005 và Hà Gia Bảo, sinh ngày 17/7/2009. Anh Hà Văn D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung và không yêu cầu chị Hà Thị B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Hà Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Hà Văn D và chị Hà Thị B có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Anh Hà Văn D yêu cầu chị Hà Thị B có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ trên và lãi suất theo hợp đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội.

Tại văn bản trả lời số 05/VBTL ngày 25/6/2019 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Nghệ An, có ý kiến như sau: Ngày 25/3/2016, hộ gia đình chị Hà Thị B và anh Hà Văn D có vay vốn tại Ngân hàng

chính sách xã hội số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) theo chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn (vay tín chấp), hạn trả ngày 12/02/2022. Đối với số nợ trên, Ngân hàng chính sách xã hội đề nghị một trong hai vợ chồng, ai nhận tài sản nhà, đất và nuôi con thì có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử, các đương sự, thẩm phán, thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Hà Thị B được ly hôn với anh Hà Văn D. Về con chung: Giao con chung tên là Hà Thị Như H, sinh ngày 06/9/2005 cho anh Hà Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên là Hà Gia B, sinh ngày 17/7/2009 cho chị Hà Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cả hai bên. Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Về nợ chung: Yêu cầu Tòa án chia đôi cho hai vợ chồng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Q nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự nhưng phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Nghệ An đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Hà Văn D được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị B và anh Hà Văn D là hợp pháp. Chị Hà Thị B yêu cầu được ly hôn, anh Hà Văn D không nhất trí yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống do tính tình không hợp, mỗi người có một lối sống riêng, một cách sống riêng và hai vợ chồng đã sống ly thân. Điều này chứng tỏ vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và cho chị Hà Thị B được ly hôn với anh Hà Văn D.

[3] Về con chung: Chị Hà Thị B và anh Hà Văn D có 02 (hai) con chung là Hà Thị Như Huệ, sinh ngày 06/9/2005 và Hà Gia Bảo, sinh ngày 17/7/2009. Chị Hà Thị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng Hà Gia Bảo và giao Hà Thị Như H cho anh Hà Văn D trực tiếp nuôi dưỡng; Hà Thị Như H có nguyện vọng được ở với bố, Hà Gia B có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và giao Hà Gia B cho chị Hà Thị B trực tiếp nuôi dưỡng;

giao Hà Thị Như Huệ cho anh Hà Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 luật hôn nhân và gia đình quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Chị Hà Thị B và anh Hà Văn D không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, nên cần tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Hà Thị B và anh Hà Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị Hà Thị B và anh Hà Văn D còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Ngân hàng yêu cầu ai được sở hữu tài sản nhà, đất và nuôi con thì giao cho người đó có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Chị Hà Thị B và anh Hà Văn D không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, nên nhà và đất Tòa án chưa chia. Đây là nợ chung của hai vợ chồng, nên cần chia cho mỗi người một nửa để có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị B và anh Hà Văn D là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 58, 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Hà Thị B được ly hôn với anh Hà Văn D.

Về con chung: Giao con chung tên là Hà Gia B, sinh ngày 17/7/2009 cho chị Hà Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 8/2019 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao con chung tên là Hà Thị Như H, sinh ngày 06/9/2005 cho anh Hà Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 8/2019 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hà Văn D và chị Hà Thị B.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nợ chung: Chị Hà Thị B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi phát sinh của 25.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng, mã khách hàng số 2800201934 ngày 25/3/2016.

Anh Hà Văn D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi phát sinh của 25.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng, mã khách hàng số 2800201934 ngày 25/3/2016.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hà Thị B và anh Hà Văn D.

Nguyên đơn chị Hà Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hà Văn D và người có quyền lợi liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- UBND xã M.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**